

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-PT

Ngày 05-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 229/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 03/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Ngọc A, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ H, khóm N, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thiện P, sinh năm 1999; nơi cư trú: Đường Y, Tổ 02, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2024: Ông Huỳnh Quốc Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Tường H, là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Đường Y, Tổ 02, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người kháng cáo: Chị Lưu Ngọc A là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Ngọc A (sau đây gọi tắt là chị A) trình bày:

Về hôn nhân: Chị A và anh Huỳnh Thiện P (sau đây gọi tắt là anh P) kết hôn năm 2022, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2022. Chị A và anh P chung sống với nhau đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2023. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị A không hòa hợp với gia đình bên anh P; do mẹ của anh P không đồng ý cho chị A thường xuyên chăm sóc mẹ chị A bị bệnh. Chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị A và anh P không có con chung.

Về tài sản chung: Có 08 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn giá 48.000.000đ. Anh P đã giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) cất giữ. Nay chị A yêu cầu bà T phải trả 08 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn giá 48.000.000đ; chị A yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị A và anh P theo quy định của pháp luật; chị A yêu cầu giao cho chị A nhận 08 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn, chị A hoàn tiền cho anh P.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh P trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như chị A trình bày; anh P đồng ý ly hôn với chị A; về con chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung như chị A trình bày; anh P không thừa nhận lời khai của chị A về việc giao tài sản chung của vợ chồng cho bà T cất giữ. Nay anh P không đồng ý việc chị A yêu cầu chia tài sản chung.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:

Bà T không thừa nhận lời khai của chị A về việc cất giữ tài sản chung của chị A và anh P. Bà T không đồng ý yêu cầu của chị A.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 229/2024/HNGĐ-ST ngày 15/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A: Chị A được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Không có nên không giải quyết.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 08 lượng vàng 24k (gồm: 23 chiếc nhẫn trơn, 11 chiếc nhẫn kiểu, 03 lắc tay, 01 chiếc vòng, 05 dây chuyền).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về yêu cầu bà T trả 08 lượng vàng 24k (gồm: 23 chiếc nhẫn trơn, 11 chiếc nhẫn kiểu, 03 lắc tay, 01 chiếc vòng, 05 dây chuyền) và 01 đôi bông hột xoàn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/5/2024, chị A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị A trình bày:

+ Rút một phần kháng cáo đối với số vàng là 1,5 lượng vàng 24k;

+ Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với anh P và bà T về yêu cầu chia tài sản của vợ chồng là 6,5 lượng vàng 24k và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ; yêu cầu anh P phải chia cho chị A ½ tài sản chung của vợ chồng là 6,5 lượng vàng 24k và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ; yêu cầu anh P và bà T cùng có nghĩa vụ trả cho chị A tài sản được chia là 3,25 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 24.000.000đ (giá trị ½ đôi bông hột xoàn).

- Ông Huỳnh Quốc Đ là người đại diện của anh P trình bày: Không đồng ý kháng cáo của chị A.

- Bà T trình bày: Không đồng ý kháng cáo của chị A.

- Chị A, người đại diện của anh P, bà T cùng thống nhất loại vàng tranh chấp là vàng 24k loại 9999 và thống nhất đôi bông hột xoàn đang tranh chấp trị giá là 48.000.000đ.

Luật sư Lương Tường H trình bày ý kiến tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và theo đơn kháng cáo, chị A yêu cầu bà T trả vàng và đôi bông hột xoàn để chị A và anh P chia tài sản chung; tại phiên tòa phúc thẩm, chị A bổ sung kháng cáo về yêu cầu bà T và anh P cùng có nghĩa vụ trả vàng và tiền là vượt quá yêu cầu kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lời khai của chị A tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm là không thống nhất và không thành thật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị A; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 229/2024/HNGĐ-ST ngày 15/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Chị A nộp đơn kháng cáo trong thời hạn và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn kháng cáo, chị A kháng cáo bản án sơ thẩm phần tài sản chung là 08 lượng vàng 24 và đôi bông hột xoàn, về yêu cầu anh **P** và bà **T** phải chia và hoàn trả cho chị A $\frac{1}{2}$ tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A rút một phần kháng cáo về số vàng là 1,5 lượng vàng 24k. Chị A yêu cầu anh **P** và bà **T** cùng có nghĩa vụ chia và hoàn trả cho chị A $\frac{1}{2}$ tài sản chung là 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ.

Xét thấy, việc chị A rút một phần kháng cáo là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị A đối với 1,5 lượng vàng 24k; việc chị A yêu cầu anh **P** và bà **T** cùng có nghĩa vụ chia và hoàn trả cho chị A phần tài sản mà chị A được chia là trong phạm vi chị A yêu cầu ban đầu về tài sản chung và trong phạm vi chị A kháng cáo về tài sản chung. Như vậy, yêu cầu của chị A tại phiên tòa phúc thẩm đối với anh **P** và bà **T** là không vượt quá phạm vi kháng cáo nên Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến về việc chị A yêu cầu anh **P** và bà **T** cùng có nghĩa vụ là vượt quá phạm vi kháng cáo là không có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị A, người đại diện của anh **P**, bà **T** thống nhất loại vàng tranh chấp là vàng 24k loại 9999 và thống nhất đôi bông hột xoàn đang tranh chấp trị giá là 48.000.000đ.

[4] Xét nội dung kháng cáo:

[4.1] Tại đơn xin cung cấp tài liệu, chứng cứ của chị A đề ngày 07/01/2024, chị A trình bày: Lễ kết hôn của chị A và anh **P** có clip ghi âm và ghi hình đã đăng tải công khai tại mạng xã hội là Kênh Youtube của **F** truyền thông tên “Full Ngọc A & Thiện P”; Kênh Youtube của **Huỳnh M** tên “THIỆN PHƯỚC – NGỌC AN”; chị A sao chép qua USB nộp tại cấp sơ thẩm; chị A có giao nộp hóa đơn bán hàng (là đôi bông hột xoàn) ngày 29/7/2022.

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự được tiếp cận tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp và các đương sự thống nhất về lễ kết hôn của chị A và anh P có ghi âm, ghi hình, có đăng công khai trên mạng xã hội kênh Youtube; thống nhất về hóa đơn bán hàng (là đôi bông hột xoàn) lập ngày 29/7/2022 (ghi tên người mua là chị A).

Tại phiên đối chất ngày 24/7/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của anh P và bà T (là mẹ của anh P) cùng trình bày về việc chị A và anh P được cho tài sản trong lễ kết hôn, cụ thể: Cha mẹ anh P cho 04 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn (theo hóa đơn mua hàng ngày 29/7/2022 do chị A giao nộp), cha mẹ chị A cho 02 lượng vàng 24k và chỉ ruột của chị A cho 05 chỉ vàng 24k.

Xét thấy, lời khai của đương sự phù hợp với đoạn clip ghi âm và ghi hình do các đương sự giao nộp, phù hợp với hóa đơn mua đôi bông hột xoàn. Như vậy, có cơ sở xác định chị A và anh P được tặng cho chung tài sản tại lễ kết hôn là 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ.

[4.2] Tại cấp phúc thẩm, lời khai của chị A, người đại diện của anh P và bà T cùng trình bày thống nhất: “Sau lễ kết hôn, chị A và anh P chung sống tại nhà của bà T; chị A và anh P cùng quản lý, cất giữ 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn trong tủ tại phòng riêng của chị A và anh P”.

Người đại diện của anh P trình bày: “Khi chị A ra khỏi nhà bà T (là thời điểm vợ chồng chia tay) thì anh P có chứng kiến nhưng anh P không kiểm tra và không đối chất việc chị A có mang 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn theo hay không, vì anh P nghĩ rằng hoàn cảnh cha mẹ của chị A có khó khăn về kinh tế nên anh P muốn cho chị A toàn bộ 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn nhưng không ngờ chị A khởi kiện đòi chia; nay anh P xác định chị A đang giữ 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn nhưng anh P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh”.

Như vậy, tại thời điểm chị A ra khỏi nhà bà T, thì anh P không chứng minh được chị A có mang theo 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn. Hơn nữa, khi anh P biết chị A khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, thì anh P nộp bản tự khai trình bày không có tài sản chung như chị A khởi kiện, anh P không trình bày về việc chị A có mang theo 6,5 lượng vàng 24k và đôi bông hột xoàn khi ra khỏi nhà bà T; đồng thời, anh P không có đơn phản tố yêu cầu chị A phải chia tài sản chung; anh P không có mặt tham gia hòa giải và đối chất; anh P xin vắng mặt các giai đoạn tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Do đó, có cơ sở xác định anh P đang quản lý tài sản chung của chị A và anh P là 6,5 lượng vàng 24k và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ.

Chị A yêu cầu anh P phải chia cho chị A $\frac{1}{2}$ 6,5 lượng vàng 24k và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 95

của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 33, khoản 2 và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, chị A không chứng minh được bà T có giữ tài sản chung của chị A và anh P nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị A đối với bà T là đúng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị A đối với anh P về chia tài sản chung là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị A.

[4.3] Từ nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị A và giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của chị A đối với anh P, sửa bản án sơ thẩm: Xác định tài sản chung của chị A và anh P do anh P đang quản lý là 6,5 lượng vàng 24k (loại 9999) và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ; anh P được quyền sở hữu tài sản do anh P đang quản lý là 3,25 chỉ vàng 24k và đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ; chị A được quyền sở hữu số vàng là 3,25 chỉ vàng 24k (loại 9999) và số tiền 24.000.000đ (trị giá ½ đôi bông hột xoàn); anh P có nghĩa vụ hoàn trả cho chị A số vàng là 3,25 chỉ vàng 24k và 24.000.000đ (trị giá ½ đôi bông hột xoàn).

[5] Các đương sự không kháng cáo phần hôn nhân nên cấp phúc thẩm không xem xét phần hôn nhân.

[6] Về án phí chia tài sản: Giá trị tài sản chung thành tiền là: 531.580.500đ (theo đơn giá vàng là 74.397.000đ/lượng x 6,5 lượng = 483.580.500đ + 48.000.000đ trị giá đôi bông hột xoàn).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.289.513đ, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.289.513đ.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 95, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 33, khoản 2 và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị **Lưu Ngọc A** đối với 1,5 lượng vàng 24k.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị **Lưu Ngọc A**.

3. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 229/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang về tài sản chung:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Lưu Ngọc A** về yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** trả lại tài sản chung của anh **Huỳnh Thiện P** và chị **Lưu Ngọc A**.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Lưu Ngọc A** về yêu cầu chia tài sản chung.

- Xác định tài sản chung của chị **Lưu Ngọc A** và anh **Huỳnh Thiện P** do anh **Huỳnh Thiện P** đang quản lý là 6,5 lượng vàng 24k (loại 9999) và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng).

- Anh **Huỳnh Thiện P** được quyền sở hữu tài sản do anh **Huỳnh Thiện P** đang quản lý là 3,25 chỉ vàng 24k và đôi bông hột xoàn trị giá 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng).

- Chị **Lưu Ngọc A** được quyền sở hữu số vàng là 3,25 chỉ vàng 24k (loại 9999) và số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) (trị giá ½ đôi bông hột xoàn).

- Anh **Huỳnh Thiện P** có nghĩa vụ hoàn trả cho chị **Lưu Ngọc A** số vàng là 3,25 chỉ vàng 24k và 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) (trị giá ½ đôi bông hột xoàn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị **Lưu Ngọc A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.289.513đ (mười ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười ba đồng), được trừ vào số tiền 5.600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005083 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, chị **Lưu Ngọc A** còn phải nộp thêm số tiền 7.589.513đ (bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười ba đồng).

+ Anh **Huỳnh Thiện P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.289.513đ (mười ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười ba đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chi **Lưu Ngọc A** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0005686 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 229/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Tòa GD&NCTN;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ngô Ngọc Phỉ